

$$X_{tb} \geq Q_n - \frac{t}{\sqrt{n}} s$$

Trong đó:

- n là số lượng mẫu kiểm tra;
- t là hằng số Student ứng với P = 99%;
- s là độ lệch bình phương trung bình lượng chứa thực của các mẫu tính theo công thức sau:

$$s = \sqrt{\frac{1}{n-1} \sum_{i=1}^n (X_i - X_{tb})^2}$$

Với X_i là lượng chứa thực của đơn vị thứ i trong mẫu.

2.3. Số đơn vị không phù hợp.

2.3.1. Khi kiểm tra 100% lô hàng đóng gói sẵn, số đơn vị không phù hợp có trong lô không được lớn hơn 2% của cỡ lô (N); trong đó không có đơn vị hàng đóng gói sẵn nào có lượng thiếu lớn hơn hai lần giới hạn thiếu cho phép.

2.3.2. Khi kiểm tra lô hàng đóng gói sẵn theo phương pháp lấy mẫu, số đơn vị không phù hợp có trong mẫu không được lớn hơn số đơn vị không phù hợp cho phép tùy theo phương pháp lấy mẫu.

3. Tiến hành kiểm tra.

3.1. Đối với hàng đóng gói sẵn định lượng theo khối lượng:

Xác định khối lượng tịnh của hàng hóa cho từng đơn vị hàng đóng gói sẵn bằng cách cân để xác định khối lượng cả bì sau đó trừ đi khối lượng bì.

3.2. Đối với hàng đóng gói sẵn định lượng theo thể tích:

Xác định thể tích tịnh của hàng hóa cho từng đơn vị hàng đóng gói sẵn bằng phương pháp trực tiếp hoặc gián tiếp.

Phương pháp trực tiếp: Đong chất lỏng bằng phương tiện đong (bình đong định mức, ống đong khắc độ).

Phương pháp gián tiếp: Xác định thể tích hàng hóa bằng cách cân để xác định khối lượng và khối lượng riêng của hàng hóa.

3.3. Phương pháp lấy mẫu để kiểm tra hàng đóng gói sẵn do Tổng cục Tiêu chuẩn đo lường chất lượng quy định./.

KT. Bộ trưởng

Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường

Thứ trưởng

BÙI MẠNH HẢI

QUYẾT ĐỊNH SỐ 31/2002/QĐ-BKHCNMT **ngày 17/5/2002 về việc ban hành** **Quy định về đo lường đối với các** **phép đo trong thương mại bán lẻ.**

BỘ TRƯỞNG BỘ KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ
VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Pháp lệnh Đo lường ngày 06 tháng 10 năm 1999;

Căn cứ Điều 18 Nghị định số 06/2002/NĐ-CP ngày 14 tháng 1 năm 2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Đo lường;

Căn cứ Nghị định số 22/CP ngày 22 tháng 5 năm 1993 của Chính phủ về nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường;

Theo đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Tiêu chuẩn đo lường chất lượng,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về đo lường đối với các phép đo trong thương mại bán lẻ.

Điều 2. Tổng cục trưởng Tổng cục Tiêu chuẩn đo lường chất lượng chịu trách nhiệm hướng dẫn và kiểm tra việc thi hành Quyết định này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực sau 15 ngày, kể từ ngày ký.

Điều 4. Tổng cục Tiêu chuẩn đo lường chất lượng, các Chi cục Tiêu chuẩn đo lường chất lượng và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

KT. Bộ trưởng

Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường

Thứ trưởng

BÙI MẠNH HẢI

QUY ĐỊNH về đo lường đối với các phép đo trong thương mại bán lẻ

(ban hành kèm theo Quyết định số 31/2002/QĐ-BKHCMNT ngày 17/5/2002 của Bộ trưởng Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường).

1. Quy định chung.

1.1. Quy định này quy định yêu cầu đo lường đối với các phép đo khối lượng (cân) và phép đo thể tích (đong) trong thương mại bán lẻ; phương pháp kiểm tra các phép cân, đong này.

1.2. Người bán hàng phải đảm bảo cân, đong đủ lượng hàng hóa đã thỏa thuận cho khách hàng và tạo điều kiện thuận lợi để khách hàng có thể chứng kiến, kiểm tra lượng hàng hóa đó.

1.3. Tổng cục Tiêu chuẩn đo lường chất lượng (sau đây gọi tắt là Tổng cục) chịu trách nhiệm tổ chức, thực hiện kiểm tra việc cân, đong trong thương mại bán lẻ đảm bảo yêu cầu đo lường theo Quy định này.

2. Yêu cầu về đo lường.

2.1. Khối lượng hàng hóa bán cho khách hàng khi cân không được thiếu quá giới hạn cho phép nêu ở Bảng 1 dưới đây:

Bảng 1

Lượng hàng hóa (theo kg)	Giới hạn thiếu cho phép (theo g)
Đến 0,1	5
Trên 0,1 đến 0,2	10
Trên 0,2 đến 0,5	15
Trên 0,5 đến 1	20
Trên 1 đến 2	40
Trên 2 đến 5	80
Trên 5 đến 10	150
Trên 10	150 + 10 cho mỗi kg tiếp theo

2.2. Lượng hàng hóa tính theo thể tích bán cho khách hàng khi đong không được thiếu quá giới hạn cho phép nêu ở Bảng 2 dưới đây:

Bảng 2

Lượng hàng hóa (theo L)	Giới hạn thiếu cho phép (theo mL)
0,25	5
Từ 0,5 đến 5	10 cho mỗi lít hàng hóa
Trên 5	5 cho mỗi lít hàng hóa

2.3. Phương tiện đo sử dụng để cân, đong khi bán hàng phải đảm bảo các yêu cầu sau đây:

a) Đã được kiểm định và còn trong thời hạn sử dụng hợp pháp;

b) Cân có độ chính xác cấp 4 trở lên; phương tiện đong có độ chính xác từ 0,5% đến 1% và có phạm vi đo thích hợp với mức cân, đong.

2.4. Người bán hàng phải cân, đong trước khách hàng. Trường hợp hàng hóa đã được cân hoặc đong trước đó (nhưng không phải là hàng đóng gói sẵn), người bán hàng phải ghi rõ lượng hàng hóa đã cân, đong trên bao bì và phải sẵn sàng thực hiện việc cân, đong lại nếu khách hàng yêu cầu.

2.5. Người mua hàng có quyền yêu cầu người bán cân, đong lại hàng hóa tại nơi bán bằng phương tiện đo của người bán hoặc tự kiểm tra tại các điểm cân, đong đối chứng (nếu có) hoặc thông qua phương tiện đo hợp pháp của người khác.

3. Kiểm tra việc cân, đong trong thương mại bán lẻ.

3.1. Việc kiểm tra được tiến hành tại địa điểm mua, bán.

3.2. Cân và phương tiện đong sử dụng để kiểm tra (gọi tắt là phương tiện kiểm tra) phải thỏa mãn các yêu cầu sau đây:

a) Đã được kiểm định và còn trong thời hạn sử dụng hợp pháp;

b) Có phạm vi đo thích hợp với mức cân, đong cần kiểm tra;

c) Cân có độ chính xác tương ứng với quy định nêu trong bảng 3 dưới đây:

Bảng 3

Phạm vi cân (theo kg)	Giá trị độ chia kiểm (e) của cân không lớn hơn (theo g)
Đến 0,5	1
Trên 0,5 đến 5	5
Trên 5 đến 10	10
Trên 10	20

d) Phương tiện đong có độ chính xác từ 0,1% đến 0,5%.

3.3. Trình tự, nội dung kiểm tra:

3.3.1. Kiểm tra phương tiện đo của người bán:

a) Kiểm tra về tính hợp pháp của phương tiện đo: dấu, Giấy chứng nhận kiểm định, niêm phong, kẹp chì, thời hạn hiệu lực kiểm định...).

b) Kiểm tra hoạt động của phương tiện đo:

Đối với cân: Cân phải được đặt ngay ngắn, các bộ phận hoạt động bình thường, chỉ thị ban đầu phải tại điểm không; sau khi ấn nhẹ lên bàn cân, chỉ thị phải trở về điểm không (thực hiện 3 lần).

Đối với phương tiện đong: Phương tiện đong không bị móp, méo, biến dạng hoặc tổn động hàng hóa làm thay đổi dung tích.

3.3.2. Kiểm tra việc cân, đong của người bán:

a) Đối với hàng hóa đã được cân, đong trước đó: Lấy không ít hơn 10 gói hàng bất kỳ, tiến hành cân hoặc đong trên phương tiện kiểm tra. Kết quả cân, đong kiểm tra so với lượng hàng đã cân, đong trước đó của người bán không được thiếu quá giới hạn cho phép quy định tại Bảng 1 hoặc Bảng 2 của Quy định này.

Trường hợp có từ ba kết quả trở lên không thỏa mãn yêu cầu, thì kết luận phép cân, đong của người bán không đạt yêu cầu quy định. Nếu có một hoặc hai kết quả không thỏa mãn yêu cầu thì lấy mẫu lần hai và kiểm tra lại. Nếu ở lần kiểm tra này vẫn còn một kết quả không đạt yêu cầu, thì kết luận chung không đạt yêu cầu.

b) Trường hợp cân, đong bán trực tiếp: Yêu cầu người bán thực hiện cân, đong không ít hơn ba lượng hàng hóa khác nhau; người kiểm tra tiến hành cân, đong lại trên phương tiện kiểm tra. Nếu có một kết quả không đạt yêu cầu, thì thực hiện lại phép kiểm tra. Nếu lần kiểm tra

này vẫn có kết quả không đạt yêu cầu, thì kết luận việc cân, đong của người bán không đạt yêu cầu quy định.

4. Biên bản kiểm tra.

Kết quả kiểm tra được ghi vào Biên bản kiểm tra phép đo theo mẫu quy định tại Phụ lục* của Quy định này./.

KT. Bộ trưởng
Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường
Thủ trưởng

BÙI MẠNH HẢI

* Không in Phụ lục

BỘ TÀI CHÍNH

THÔNG TƯ số 53/2002/TT-BTC ngày 25/6/2002 hướng dẫn sửa đổi Thông tư số 24/2002/TT-BTC ngày 20/3/2002 của Bộ Tài chính về thực hiện nghĩa vụ thuế đối với các hoạt động cho thuê tài chính.

Căn cứ Nghị định số 16/2001/NĐ-CP ngày 02/5/2001 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của công ty cho thuê tài chính, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 24/2002/TT-BTC ngày 20/3/2002 hướng dẫn thực hiện nghĩa vụ thuế đối với các hoạt động cho thuê tài chính. Để phù hợp với đặc điểm kinh doanh của hoạt động cho thuê tài chính, Bộ Tài chính hướng dẫn sửa đổi như sau:

1. Thay thế điểm 2 Mục III Thông tư số 24/2002/TT-BTC ngày 20/3/2002 của Bộ Tài chính bằng điểm 2 mới như sau:

Căn cứ theo khoản 3 Điều 22 Nghị định số 16/

2001/NĐ-CP ngày 02/5/2001 của Chính phủ, tài sản cho thuê của các Công ty cho thuê tài chính được chuyển quyền sở hữu cho bên thuê (khi kết thúc thời hạn thuê) thì bên thuê không phải nộp lệ phí trước bạ. Bên thuê khi kê khai lệ phí trước bạ với cơ quan thuế phải cung cấp các hồ sơ sau:

- Hợp đồng cho thuê tài chính được ký giữa bên cho thuê và bên thuê theo quy định tại Điều 17 Nghị định số 16/2001/NĐ-CP ngày 02/5/2001 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Công ty cho thuê tài chính.

- Biên bản thanh lý hợp đồng cho thuê tài chính giữa bên cho thuê và bên thuê tài sản.

- Giấy chứng nhận quyền sở hữu tài sản của Công ty cho thuê tài chính.

2. Thông tư này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày ký. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, đề nghị các tổ chức, cá nhân kịp thời phản ánh về Bộ Tài chính để nghiên cứu giải quyết./.

KT. Bộ trưởng Bộ Tài chính
Thủ trưởng

TRƯƠNG CHÍ TRUNG

THÔNG TƯ số 54/2002/TT-BTC ngày 25/6/2002 bổ sung, sửa đổi Thông tư số 39/2002/TT-BTC ngày 26/4/2002 của Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý, thanh toán vốn ngân sách nhà nước và vốn tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước đầu tư xây dựng các cụm, tuyến dân cư vượt lũ vùng đồng bằng sông Cửu Long.

Căn cứ Nghị định số 52/1999/NĐ-CP ngày